TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 24/01/2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Văn Thi**
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông **Võ Đức Thọ**
2. Bà **Trần Xuân Đạm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Oanh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Kỳ** - *Kiểm sát viên*

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/DSST ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX- ST ngày 05 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP B**
Địa chỉ trụ sở : Toà nhà T, số 109 Đ, phường N, Quận K, TP Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện theo uỷ quyền : Ông Trương Minh V, chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng TMCP B – Chi nhánh Bình phước .
Địa chỉ : số 416, Quốc lộ 14, Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình phước

- Ông Trương Minh V uỷ quyền : Ông Nguyễn Văn H, chức vụ : Chuyên viên khách hàng (có mặt).
Địa chỉ : Ấp 3, xã H, thành phố Đ, tỉnh Bình phước (Văn bản uỷ quyền số 16/GUQ/LPB.BP, ngày 12/9/2018).

* Bị đơn : Bà **Phạm Kim Thuỵ Bích N**, sinh năm 1988 (có đơn xin giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ : số 182, tổ 1, ấp 3, xã H, huyện N, tỉnh Bình phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B trình bày:

Vào ngày 20/8/2014 Ngân Hàng TMCP B Chi nhánh tỉnh Bình phước có ký hợp đồng tín dụng số : 493 -14/HĐTD – BP ngày 20 tháng 8 năm 2014 với bà Phạm Kim Thuỵ Bích N, bà N là nhân viên bưu điện huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình phước, bà N vay số tiền 35.000.000đ, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất cho vay là 1,5%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn .

Hai bên có thoả thuận tại Điều 4 của hợp đồng .

Trả nợ gốc và lãi. Gốc trả chia làm 24 phân kỳ, mỗi kỳ là 1 tháng, số tiền phải trả cuối mỗi phân kỳ là 1.458.000đ, số tiền phải trả kỳ cuối cùng là 1.466.000đ.

Kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 10/9/2014 hạn cuối vào ngày 27/10/2016 .

Kỳ hạn trả lãi, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 10/9/2014 .

Các bên đã cam kết các điều, khoản đúng như trong hợp đồng tín dụng số : 493 -14/HĐTD – BP ngày 20 tháng 8 năm 2014.

Bà Phạm Kim Thuỵ Bích N đã trả được kỳ đầu tiên số tiền 2.400.410 đồng, từ kỳ thứ hai (10/10/2014) bà N không trả cho Ngân Hàng TMCP B Chi nhánh tỉnh Bình phước, phía Ngân hàng đã cho người xuống nhà nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán số tiền còn lại nhưng bà N không trả tiền, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bà N nhưng bà N không trả tiền theo đúng hợp đồng đã cam kết ban đầu .

Nay Ngân Hàng TMCP B yêu cầu bà Phạm Kim Thuỵ Bích N phải trả cho Ngân Hàng TMCP B tính đến ngày Ngân Hàng TMCP B làm đơn khởi kiện (10/9/2018) với số tiền :

- Số tiền gốc 32.599.590 đồng .
- Số tiền lãi quá hạn 2.688.355 đồng
- Số tiền lãi phạt gốc 10.425.918 đồng

Tổng cộng 45.713.863 đồng (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn tám trăm sáu ba đồng*) .

Ngoài ra Ngân Hàng TMCP B không yêu cầu giải quyết gì thêm .

* *Bị đơn*: bà Phạm Kim Thuỵ Bích N trình bày:

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 02/01/2019 của bà Phạm Kim Thuỵ Bích N trình bày bà N thừa nhận có mượn của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt chi nhánh Bình phước số tiền 35.000.000đ, vì hoàn cảnh khó khăn bà chưa trả tiền cho Ngân hàng đúng kỳ hạn, nay Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt khởi kiện bà đồng ý trả số nợ trên theo hợp đồng đã ký.

Vì hiện nay bà đi làm ăn xa cho nên không về Toà án để giải quyết được nên xin được giải quyết vắng mặt .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B . Buộc bà N phải trả cho Ngân Hàng TMCP B số tiền.

- Số tiền gốc 32.599.590 đồng .
- Số tiền lãi quá hạn 2.688.355 đồng
- Số tiền lãi phạt gốc 10.425.918 đồng

Tổng cộng 45.713.863 đồng (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn tám trăm sáu ba đồng*) .

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo luật định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ngân Hàng TMCP B có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Kim Thuy Bích N trả số tiền còn nợ theo hợp đồng số : 493 -14/HĐTD – BP ngày 20 tháng 8 năm 2014, xác định đây là " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Hiện nay bà Phạm Kim Thuy Bích N có hộ khẩu tại Ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp : Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP B đã được chứng nhận kinh doanh trong lĩnh vực tín dụng Ngân hàng theo Luật các tổ chức tín dụng, được phép cho vay với mức lãi suất thoả thuận với khách hàng trên cơ sở mức lãi suất đã được Ngân hàng niêm yết trên thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số : 493 -14/HĐTD – BP ngày 20 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân Hàng TMCP B với bà Phạm Kim Thuỵ Bích N, bà N vay số tiền 35.000.000đ, thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất cho vay là 1,5%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn .

Bà Phạm Kim Thuỵ Bích N đã trả được kỳ đầu số tiền 2.400.410 đồng, sau đó bà N không thực hiện nghĩa vụ trả đúng theo hợp đồng mà bà N đã cam kết .

Tại phiên toà đại diện của Ngân Hàng TMCP B ông Hiển là người được uỷ quyền chỉ yêu cầu giải quyết số tiền lãi tính đến ngày làm đơn khởi kiện (ngày 10/9/2018), không yêu cầu tính lãi suất đến ngày Toà án xét xử (ngày 24/01/2019). Hội đồng xét xử ghi nhận .

Xét thấy Ngân Hàng TMCP B yêu cầu bà Phạm Kim Thuỵ Bích N trả số tiền cụ thể :

- Số tiền gốc 32.599.590 đồng .
- Số tiền lãi quá hạn 2.688.355 đồng
- Số tiền lãi phạt gốc 10.425.918 đồng

Tổng cộng 45.713.863 đồng (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn tám trăm sáu ba đồng*) là có căn cứ hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn chịu án phí chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Thống tư 12/2010/TT – NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

- Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP B:

Buộc bà Phạm Kim Thuỵ Bích N trả Ngân Hàng TMCP B cụ thể trả cho Ngân Hàng TMCP B Chi nhánh tỉnh Bình phước.

- Số tiền gốc 32.599.590 đồng .
- Số tiền lãi quá hạn 2.688.355 đồng
- Số tiền lãi phạt gốc 10.425.918 đồng

Tổng cộng 45.713.863 đồng (*Bốn mươi lăm triệu bảy trăm mười ba ngàn tám trăm sáu ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử bên có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà các bên có nghĩa vụ thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.Về án phí: Bà Phạm Kim Thuỵ Bích N phải chịu 2.286.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hàng TMCP B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh hoàn trả lại cho Ngân Hàng TMCP B Chi nhánh tỉnh Bình phước số tiền 1.143.000đ là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006281ngày 05/12/2018 .

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thi

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước
-VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ